

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 08 37161333

Fax: 08 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vạn tài Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về Báo cáo thường niên năm 2016.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/03/2017 tại đường dẫn <http://www.benbaivantaisaigon.com.vn/baiviet/quan-he-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Đại diện doanh nghiệp
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Cá Chứng Chín



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

13 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**31 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

41 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

47 QUẢN TRỊ CÔNG TY

53 BÁO CÁO TÀI CHÍNH





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

PHỤC VỤ ĐỂ PHÁT TRIỂN
PHÁT TRIỂN ĐỂ PHỤC VỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0301114089 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 31/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/10/2016

Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.578.396.239

Địa chỉ: 720 QL1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Số điện thoại: (08) 3716 1333

Số fax: (08) 37160891

Website: <http://www.benbaivantaisaigon.com.vn/>

Mã cổ phiếu : TPS

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1988

Thành lập theo Quyết định số 235/QĐ-UB ngày 17/11/1988 của UBND TP.HCM với tên gọi là Bến xe Vận tải Hóc Môn trên cơ sở thành lập Bến đầu xe vận tải hàng hóa của nước bạn Campuchia được phép hoạt động trên địa bàn thành phố tại xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn.

1997

Tháng 10/1997, theo Quyết định của UBND TP.HCM số 5369/QĐ-UB-KT, Bến xe Vận tải Hóc Môn chuyển từ đơn vị sự nghiệp kinh tế sang doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Sở giao thông công chánh.

1999

Đến tháng 06/1999, Bến xe Vận tải Hóc Môn được đổi tên thành Công ty Bến bãi Vận tải Hàng hóa Thành phố theo Quyết định của UBND TP.HCM số 3661/QĐ-UB-KT.

2002

Tháng 02/2002, theo Quyết định của UBND TP.HCM số 544/QĐ-UB Công ty Bến bãi Vận tải Hàng hóa Thành phố được đổi tên thành Công ty Bến bãi Vận tải Thành phố.



2006

Sau thời gian thực hiện cổ phần hóa, tháng 05/2006, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn theo Quyết định số 5927/QĐ-UBND.

2010

Từ ngày cổ phần đến năm 2010, về sản xuất kinh doanh, Công ty đã đạt được thành quả như sau: Doanh thu tăng 2 lần; Lợi nhuận tăng 3 lần; Nộp ngân sách tăng 2,5 lần; Thu nhập bình quân tăng 3 lần.

2015

Ngày 01/12/2015, cổ phiếu Công ty cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

2016

CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn (TPS): Ngày 25/5 – ngày ĐKCC nhận cổ tức năm 2015 bằng tiền, tỷ lệ 17% (01 cổ phiếu nhận 1.700 đồng). Thời gian thực hiện 10/6/2016.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh:

Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại Bến xe;

Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố.

Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh;

Vận chuyển hàng hóa;

Kinh doanh kho chứa hàng;

Môi giới vận chuyển hàng hóa;

Dạy nghề.

Địa bàn hoạt động:

Văn phòng Công ty

Địa chỉ: 720 QL1A, KP 3B, P.Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3716 1333

Fax: (84-8) 37160891

Email: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn

Bến xe An Sương

Địa chỉ: Ngã tư An Sương, QL22, Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3883 2516

Fax: (84-8) 3883 0411

Email: benxeansuong@benbaivantaisaigon.com.vn

Hoạt động vận tải hành khách liên tỉnh: Có tổng 35 đơn vị vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh hoạt động tại bến xe tham gia khai thác tuyến qua tỉnh Tây Ninh, Cà Mau, Huế, Đắk Lắk, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Nam Định, Bắc Ninh và 1 đơn vị có xe hoạt động quá cảnh từ BẾN XE Ngã Tư Ga.

Hoạt động vận tải hành khách công cộng: 16 tuyến xe buýt của 08 đơn vị vận tải hoạt động tại bến.

Bến xe Ngã Tư Ga

Địa chỉ: 720 QL1A, KP 3B, P.Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3716 1333

Fax: (84-8) 3716 1587

Email: benxengatuga@benbaivantaisaigon.com.vn

Hiện tại tổng số tuyến khách liên tỉnh từ Bến xe Ngã Tư Ga đi các nơi trong nước là 76 tuyến do 80 doanh nghiệp đảm nhận với số lượng xe là 302 chiếc. Trong đó :

- Khu vực miền Bắc (34 tuyến - 124 xe)
- Khu vực miền Đông và miền Trung (35 tuyến - 193 xe)
- Khu vực miền Tây (6 tuyến - 16 xe)

Bến xe Ngã Tư Ga có 05 tuyến xe buýt hoạt động: Bến xe Ngã Tư Ga – Bến xe Chợ Lớn/Bến xe Miền Đông/ Bến xe Miền Tây/ Bến xe Quận 8/ Bến xe Bình Mỹ (Củ Chi) với 98 xe các loại thuộc 04 doanh nghiệp. Mỗi ngày thực hiện 437 lượt chuyến.

Bãi đậu xe ô tô lưu đậu bình quân trong Bến đạt 800 lượt xe/ngày đêm. Bến có vị trí giành riêng cho taxi đậu đón trả khách do Công ty Dầu khí khai thác hoạt động 24/24 giờ.

Trong Bến có hệ thống kho chứa hàng với diện tích gần 1.600 m², hiện có 09 doanh nghiệp đang khai thác với lượng hàng hóa luân chuyển qua Bến bình quân 100 tấn/ngày.

Ngoài 5 chức năng đã nêu, Bến xe còn có các dịch vụ hỗ trợ như: Nhận ủy thác bán vé, Văn phòng cho thuê để bán vé, điều hành, Dịch vụ ăn uống (gần 20 điểm), Dịch vụ giữ xe 02 bánh, hệ thống nhà vệ sinh, tắm giặt.



BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Ngọc Linh	Chủ tịch HĐQT
Tạ Chương Chính	Thành viên HĐQT
Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT
Trần Hiếu	Thành viên HĐQT
Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Bạch Huệ	Trưởng ban
Võ Văn Đức	Thành viên
Nguyễn Thị Băng Tuyết	Thành viên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bồ Kim Thu Nga

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TGD Tạ Chương Chính
P.TGD Trần Hiếu

PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

TP. Bồ Kim Thu Nga

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Quyền TP. Lê Thị Thanh Thuận

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

TP. Lê Thúy Hằng

BẾN XE AN SƯƠNG

GĐ. Trần Hiếu
PGĐ. Phạm Hùng Long

BẾN XE NGÃ TƯ GA

GĐ. Lê Thị Thanh Thuận

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI ĐIỀU HÀNH

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI BẢO VỆ
Hô Văn Dũng

TỔ TRƯỞNG TỔ THU NGÂN
Trần Linh Tường Lam

TỔ TRƯỞNG TỔ HÀNH CHÍNH
Đỗ Kim Loan

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI ĐIỀU HÀNH
Trịnh Tuấn Hùng

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI BẢO VỆ
Trần Ngọc Hiếu

TỔ TRƯỞNG TỔ THU NGÂN
Huỳnh Văn Khánh

TỔ TRƯỞNG TỔ HÀNH CHÍNH
Nguyễn Thị Khánh Ly

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, bao gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban trong Công ty

Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển 2 Bến xe hiện hữu thành các Bến xe đa chức năng, bên cạnh cung ứng các dịch vụ truyền thống về bến bãi, tổ chức lưu đậu phương tiện, trung chuyển hàng hóa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện... Công ty phát triển thêm các dịch vụ hỗ trợ, trung tâm thương mại, mua sắm, vui chơi giải trí, khách sạn, nhà nghỉ, ...

Tiếp tục mở rộng thị phần, nâng cao vị thế của Công ty, trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bến bãi khu vực phía Nam.

Chiến lược phát triển:

➤ Chiến lược ngắn hạn

Triển khai thi công giai đoạn 1 Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương đưa vào khai thác sử dụng trong năm 2017, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD của đơn vị trong thời gian chuẩn bị các thủ tục đầu tư mở rộng bến xe An Sương lên 4,8ha.



➤ **Chiến lược dài hạn**

Không ngừng nâng cao năng lực phục vụ: Công ty luôn xác định được tầm quan trọng của yếu tố con người, xem đây là một trong những yếu tố quyết định xây dựng và triển khai chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, cùng với việc đầu tư vào cơ sở vật chất, Công ty quan tâm đến việc đào tạo nguồn nhân lực để mang đến sự phục vụ khách hàng văn minh, lịch sự, chuyên nghiệp nhất

Tiếp tục đầu tư nâng cấp 02 bến xe hiện hữu đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1 nhằm nâng cao năng lực phục vụ và chất lượng dịch vụ.

Đầu tư mở rộng bến xe An Sương, nâng cấp Bến xe Ngã tư Ga, đầu tư xây dựng mới bến xe Sông Tắc trên trục đường cao tốc Sài Gòn – Long Thành – Dầu Giây, đón đầu chủ trương di dời các bến xe liên tỉnh ra khỏi nội đô thành phố.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

Tăng cường hợp tác với các đơn vị mạnh, có năng lực, uy tín để khai thác cung ứng các dịch vụ tại bến xe.



CÁC RỦI RO



Rủi ro về kinh tế

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2016, nền kinh tế Việt Nam có những bước chuyển mình mạnh mẽ nhưng vẫn còn nhiều áp lực, rủi ro cho nền kinh tế do khoảng đệm chính sách còn hạn chế nên các yếu tố bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 tuy không đạt được số kế hoạch 6,7% đặt ra đầu năm, kết quả 6,21% tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước cũng được xem như là nỗ lực của cả nước để đứng vững trước tình hình kinh tế bất ổn trong năm 2016 vừa qua. Có thể thấy, tiến trình tái cơ cấu chậm chạp trong nước gây ra nhiều rủi ro đáng kể đối với viễn cảnh tăng trưởng trung hạn. Các rủi ro tài khoá còn trở nên cao hơn bởi trách nhiệm trả nợ liên đới liên quan đến các món nợ của các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại nhà nước. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa như TPS. Cập nhật thường xuyên sự biến động của nền kinh tế, bao gồm sự phát triển của thương mại, dịch vụ, có thể xem là yêu cầu cấp thiết để Công ty hoạch định chiến lược trung và dài hạn.



Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân... Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình thay đổi, cải tiến. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và giao dịch cổ phiếu của Công ty. Đặc biệt đối với một Công ty vừa gia nhập thị trường UpCom, các quy định liên quan đến quản trị Công ty đại chúng không ngừng được cập nhật và thay đổi liên tục. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn cập nhật các văn bản liên quan để kịp thời đổi mới phương hướng quản lý, lãnh đạo sao cho phù hợp.



Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, v.v...)



Rủi ro tắc nghẽn giao thông

Giao thông thắt chặt giờ cấm thành phố đang bị tăng lên. Cơ sở hạ tầng không đáp ứng được nhu cầu phát triển của thành phố khi phương tiện cá nhân tăng cao khiến tình trạng giao thông trong nội đô tắc nghẽn liên tục nhất là những giờ cao điểm. Điều này khiến việc ra vào của các phương tiện vận tải tại BẾN XE Ngã Tư Ga và BẾN XE An Sương trở nên khó khăn hơn. Trước tình hình đó, lãnh đạo Công ty đã tích cực điều động các cán bộ trực tạt đến để điều khiển và giúp cho xe cộ lưu thông dễ dàng hơn.



Rủi ro gian lận trong bốc dỡ hàng hóa

Với những doanh nghiệp vận tải lớn uy tín chuyên nghiệp quy trình bốc dỡ hàng hóa và lưu thông luôn được giám sát chặt chẽ bảo đảm không quá khổ quá tải hay các mặt hàng cấm như rượu lậu, hàng hóa gây cháy nổ, động vật hoang dã ... luôn được kiểm soát và từ chối chuyên chở với các mặt hàng quốc cấm.



Rủi ro về giá nhiên liệu

TPS là doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải hành khách và hàng hóa nên chịu ảnh hưởng lớn từ giá nguyên liệu. Tuy nhiên, việc hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới khiến biến động thị trường xăng dầu trong nước gắn liền với biến động của thị trường thế giới, kéo theo nguồn cung cầu xăng dầu có nhiều biến động nên doanh nghiệp chỉ có thể điều chỉnh giá cả bắt



Rủi ro cạnh tranh

- Có thể nói cho tới nay, đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty trên địa bàn TP.HCM gồm 2 bến xe lớn là Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây vì các doanh nghiệp thương hiệu lớn hầu hết tập trung khai thác ở hai bến xe này. Bên cạnh đó xung quanh hai bến xe tập trung nhiều các bãi đỗ tư nhân tự phát như Bến xe Lam Hồng, Bãi xe Bắc Nam, Bãi xe Lê Hà, bãi đậu khu Nam Long. Công ty đã khẳng định được vị thế vững mạnh trong lĩnh vực khai thác dịch vụ hỗ trợ vận tải khi mở rộng thêm các tuyến đường mới để phục vụ hành khách, cụ thể như người dân ở khu vực Q. Bình Thạnh, Thủ Đức (TP.HCM) có thể ra bến xe miền Đông mua vé về các tỉnh miền Tây hoặc bà con ở Q. Bình Tân, H. Bình Chánh có thể mua vé từ bến xe miền Tây đi Đà Lạt, Nha Trang..., với giá cả dịch vụ hợp lý (dịch vụ bãi đỗ, dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ) và chất lượng dịch vụ tốt, phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
- Ngoài loại hình vận tải đường bộ, hành khách còn nhiều lựa chọn khác như đường sắt, hàng không,... Tuy là đối thủ cạnh tranh gián tiếp nhưng ảnh hưởng không ít đến hoạt động của Công ty. Hiện nay, người tiêu dùng ngày càng quan tâm nhiều đến chất lượng, an toàn, cách phục vụ chuyên nghiệp, uy tín,... thì với chất lượng dịch vụ của Công ty chắc chắn ngày càng có cơ hội tiến xa hơn trong công cuộc cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề trên thị trường.



Rủi ro tai nạn giao thông

Là một doanh nghiệp vận tải ở địa bàn TP. Hồ Chí Minh giao thông phức tạp và nạn kẹt xe diễn ra hằng ngày. Để ngăn chặn các rủi ro về tai nạn giao thông đồng thời giảm một phần ảnh hưởng đến tài sản, thời gian và danh tiếng của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đã phát động với các chủ hãng xe đăng ký hoạt động tại BẾN XE An Sương và BẾN XE Ngã Tư Ga về chủ trương không cho xe chạy xuyên tâm TP. HCM mà phải đi đường vành đai quốc lộ 1 hoặc đại lộ Đông Tây nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông và không gây ùn tắc giao thông trong nội ô TP đối với các luồng tuyến mới.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính



Cơ cấu cổ đông

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

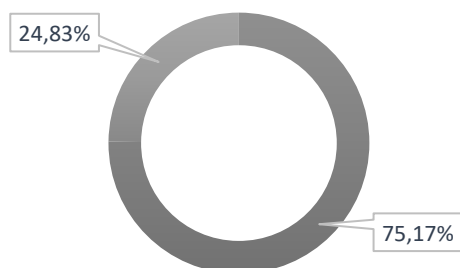
Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Doanh thu thuần	Thực hiện 2015	Tỷ trọng	Thực hiện 2016	Tỷ trọng
Doanh thu – dịch vụ lưu đậu, xe khách ra vào bến	22,77	75,17%	26,32	77,23%
Doanh thu – dịch vụ hỗ trợ	7,52	24,83%	7,77	22,80%
Tổng	30,29	100,00%	34,08	100,00%

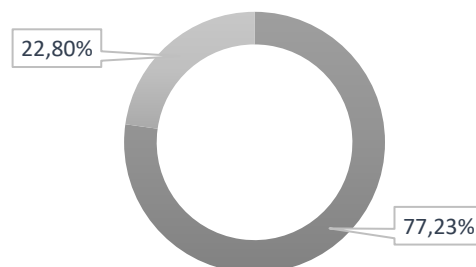
Với tình hình thị trường mở rộng, năm 2016 ngành hỗ trợ vận tải Việt Nam đứng trước những thách thức đó là: thị trường phân mảnh đòi hỏi khả năng cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp, mạng lưới cung ứng ngày càng mở rộng và phức tạp, yêu cầu ngày càng cao về giá cước dịch vụ cho thuê các bến bãi. Các quy định này ngày càng chặt chẽ trong việc tuân thủ các vấn đề an toàn, an ninh và môi trường. Trước tình hình chung đó, TPS vẫn giữ vững sự tăng trưởng trong doanh thu năm 2016, cụ thể đạt 34,08 tỷ đồng (tăng 3,79 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước).

Năm 2015



- Doanh thu – dịch vụ lưu đậu, xe khách ra vào bến
- Doanh thu – dịch vụ hỗ trợ

Năm 2016



- Doanh thu – dịch vụ lưu đậu, xe khách ra vào bến
- Doanh thu – dịch vụ hỗ trợ



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Ông Tạ Chương Chín	Tổng Giám đốc	274.000	17,125%
2	Ông Trần Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	272.000	17%
3	Bà Bồ Kim Thu Nga	Kế toán trưởng	6.000	0,38%



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ

Ông Tạ Chương Chín

Ngày tháng năm sinh

29/11/1977

Nơi sinh

Xã Bình Nghi, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định

CMND

025043206

Quốc tịch

Việt Nam

Dân tộc

Kinh

Quê quán:

Bình Định

Địa chỉ thường trú

108/1 KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Quận 12, TPHCM

Số ĐT liên lạc

0989 636 009

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ

Quá trình công tác

2002 – 2003

Chuyên viên - Trung tâm buýt Công ty TNHH Phương Trinh

2003 – 2004

Phó Giám đốc – Trung tâm buýt Công ty TNHH Phương Trinh

2004 – 2005

Tổ trưởng tổ điều hành – Công ty TNHH Vận tải Thành phố

2006 – 2007

Phó phòng kế hoạch điều hành – Công ty TNHH Vận tải Thành Phố

2008 – 2009

Trưởng phòng Kế hoạch điều hành - Công ty TNHH Vận tải Thành Phố

10/2009 – 03/2013

Phó Giám đốc Bến xe An Sương – CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

04/2013 – 06/2014

Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga - CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

07/2014 – T4/2016

TV HĐQT, PTGD CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, kiêm GD Bến xe Ngã Tư Ga

T5/2016 – nay

TV HĐQT, TGD CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ công tác tại Cty

TV HĐQT kiêm TGD CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

Không có

Số CP nắm giữ

274.000 cổ phiếu, chiếm 17,125% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu

272.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu

2000 cổ phiếu, chiếm 0,125% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan

Vợ: Đỗ Kim Loan Sở hữu 500 CP, chiếm 0,0313%

Quyền lợi mâu thuẫn với Cty

Không có

Những khoản nợ đối với Cty

Không có

Lợi ích liên quan đối với Cty

Không có

Hành vi vi phạm pháp luật

Không có

Ông Trần Hiếu

Ngày tháng năm sinh	02/01/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ
Quá trình công tác	
06/2004 – 07/2005	Q. Đội trưởng Cty TNHH Vận tải TPHCM (Citranco)
08/2005 – 9/2009	Đội trưởng Cty TNHH Vận tải TPHCM (Citranco)
10/2009 – 12/2009	Chuyên viên Phòng kế hoạch đầu tư Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (STP.JSC)
01/2010 – 12/2010	Phó Trưởng Phòng kế hoạch đầu tư Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (STP.JSC)
01/2011 – 02/2013	Phó Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (STP.JSC)
03/2013 – 01/2015	Phó Giám đốc Bến xe An Sương Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (STP.JSC)
02/2015 – Nay	Giám đốc Bến xe An Sương Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (STP.JSC)
01/01/2016 -nay	Phó.TGD cty kiêm GD BẾN XE An Sương STP.JSC
Chức vụ công tác tại CTY	TV HĐQT, Phó TGD CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, kiêm GD BẾN XE An Sương STP.JSC
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ	272.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	272.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm PL	Không có

Bà BỒ Kim Thu Nga

Ngày tháng năm sinh	30/04/1965
Nơi sinh	Bình Thạnh, TPHCM
CMND	022258705
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán:	TPHCM
Địa chỉ thường trú	87 Tầng 3 trước, Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Số ĐT liên lạc	0908 001 465
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
01/1986 – 10/1994	Nhân viên TCLĐTL – Công ty CTGTCC – Sở Giao thông vận tải TP.HCM
12/1994 – 06/1995	Nhân viên TCHC – Bến xe Hóc Môn
07/1995 – 03/2004	Nhân viên P. KTTC – Công ty Bến bãi vận tải TPHCM
04/2004 – 06/2006	Phó phòng KTTC – Công ty Bến bãi vận tải TPHCM
07/2006 – Nay	Kế toán trưởng CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
Chức vụ công tác tại CTy	Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ	6.000 cổ phiếu, chiếm 0,38% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	6000 cổ phiếu, chiếm 0,38% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG

Số lượng CBCNV

Tổng số lao động: 110 người

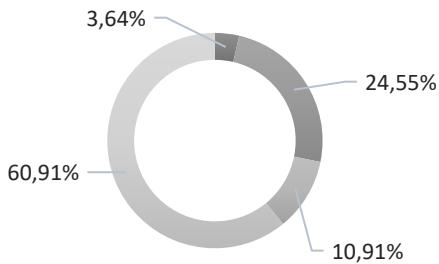
Trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	110	100,00%
1	Trình độ trên đại học	4	3,64%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	27	24,55%
3	Trình độ trung cấp	12	10,91%
4	Lao động phổ thông	67	60,91%
II	Theo loại hợp đồng lao động	110	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	89	80,91%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	21	19,09%
III	Theo giới tính	110	100,00%
1	Nam	81	73,64%
2	Nữ	29	26,36%

Thu nhập bình quân người lao động qua các năm

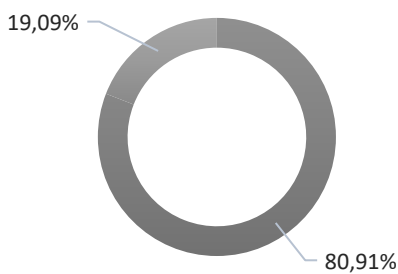
STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2014	115	8.677.842
2	2015	114	9.482.000
3	2016	110	10.310.000

Theo trình độ lao động



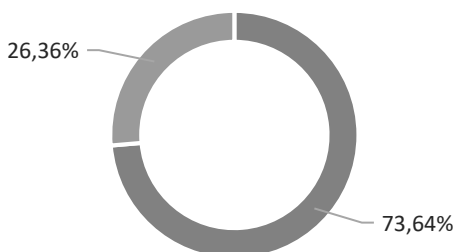
- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Lao động phổ thông

Theo loại hợp đồng LĐ



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

Theo giới tính



- Nam
- Nữ



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Thuận lợi

- Đội ngũ lãnh đạo trẻ, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần trách nhiệm và đảm đương tốt công tác quản lý điều hành tại đơn vị.
- Lực lượng cán bộ kế cận luôn được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện tiếp cận các công việc quản lý điều hành của công ty. Các đồng chí trong quy hoạch diện Tổng công ty quản lý đã được Đảng ủy Công ty xem xét thông qua và từng bước bổ nhiệm (đã bổ nhiệm 1 TGD, 1 PTGD)
- Hệ thống quy chế, quy định về tuyển dụng – đào tạo – bổ nhiệm – luân chuyển cán bộ được ban hành gần như đầy đủ góp phần tạo cơ sở để Công ty thực hiện rõ ràng, minh bạch và hiệu quả về công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý lao động.

Khó khăn

- Trình độ văn hóa nghiệp vụ của lao động còn thấp, đa phần là lao động trực tiếp tại các tổ, đội.
- Mức lương đối với lao động cấp quản lý hiện nay so với mặt bằng chung chưa thực sự hấp dẫn để thu hút lao động có trình độ cao.





Tên dự án: Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương.

Địa điểm: Bến xe An Sương, Quốc lộ 22, ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Tổng khái toán kinh phí: 100,9 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có và vốn vay nguồn vốn kích cầu (không lãi suất).

Phân kỳ đầu tư: Dự án sẽ được chia làm 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Xây dựng khu nhà ga chính 6 tầng đường dẫn có mái che, cải tạo toàn bộ khu dịch vụ, nhà vệ sinh, làm cổng — biên hiệu bến xe, phân khu chức năng bến xe. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 36,7 tỷ đồng.

Giai đoạn 2: (sau 2 đến 3 năm sau khi hoàn tất giai đoạn 1): lên tầng khu vực đậu xe buýt + giải phóng mặt bằng 1000m² phía trước bến xe.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2015	TH năm 2016	Tăng/ Giảm 2016 so với 2015
Doanh thu	30,29	34,08	12,51%
Chi phí sản xuất, kinh doanh	25,03	25,83	3,12%
Giá vốn hàng bán	19,54	20,04	2,57%
Lợi nhuận trước thuế	6,39	9,59	49,98%
Lợi nhuận sau thuế	7,64	4,96	54,16%

Những diễn biến có lợi trong năm 2016 đã giúp cho Tổng doanh thu của Công ty tăng 12,51% so với năm 2015 và đạt kế hoạch đã đề ra trong năm 2016. Tuy nhiên, do Công ty còn nhiều dự án cần thực hiện trong năm như: duy tu mặt bãi, lắp đặt dải phân cách, phân luồng xe ra vào tại Bến xe An Sương, sửa chữa sụt lún nền nhà ga tại Bến xe Ngã Tư Ga, Cải tạo Bể lắng tại Bến xe An Sương, Nâng cấp chất lượng ở cả 2 Bến xe, nên cần nhiều chi phí do đó kéo theo chi phí tăng 3,12% (trong đó chi phí nhân viên chiếm khoảng 62,05% tổng chi phí sản xuất kinh doanh). Với kết quả khả quan trên TPS hứa hẹn mang lại sự hiệu quả trong hoạt động, doanh thu trong tương lai.



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,34	2,59
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	3.34	2,59
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,10	25,97
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	23,61	35,07
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản + Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	0,84	0,83
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	16,37	22,43
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,41	24,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	14,16	18,39
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	20,97	28,03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.600.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.600.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có.

	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước				
1	Cổ đông nhà nước	1	816.000	8.160.000.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	1	12.600	126.000.000	0,79%
3	Cổ đông cá nhân	117	755.600	7.556.000.000	47,23%
II	Cổ đông nước ngoài				
1	Cá nhân	1	15.800	158.000.000	0,99%
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	120	1.600.000	16.000.000.000	100%





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY

Đối với kinh tế

- Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại có tầm quan trọng đặc biệt. Có thể chế đầy đủ, các loại thị trường sẽ phát triển mạnh với sức sống mới, được quản lý và giám sát tốt, môi trường cạnh tranh lành mạnh sẽ làm cho việc phân bổ nguồn lực của đất nước cân bằng, tạo điều kiện để tăng trưởng và phát triển kinh tế có hiệu quả cao.
- Công ty đang hướng đến thiết lập một hệ thống thể chế chất lượng cao và hoạt động thực tiễn có hiệu quả, vì vậy cần phải cải cách tổ chức bộ máy, thủ tục hành chính và tài chính công gắn với một hệ thống phân cấp hợp lý, hiệu quả, nâng cao chất lượng quản trị Công ty.
- Bên cạnh đó Công ty luôn mong muốn hoạt động trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh và hội nhập quốc tế, tăng cường giám sát và phát hiện các mất cân đối có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an toàn hệ thống, tập trung hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bảo đảm mọi cán bộ công nhân viên đều được hưởng thụ thành quả tăng trưởng.



Đối với môi trường

- Nhằm cập nhật bổ sung những thông tin mới về công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên người lao động trong Công ty, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đã tổ chức 02 buổi tập huấn về công tác vệ sinh an toàn lao động – Phòng chống cháy nổ vào các ngày 30/6/2016 và 07/07/2016 cho hơn 100 cán bộ công nhân viên, đại diện các cơ sở dịch vụ tại Hội trường Công ty.
- Toàn thể Công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất.
- Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.
- Phải huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường.

Đối với xã hội

- Ngày 12 và 13/07/2016, Công ty Cổ phần Bến Bãi Vận tải Sài Gòn đã tổ chức lớp tập huấn về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 cho gần 25 học viên là Ban Lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban, Bến xe và cán bộ chủ chốt tại Hội trường Công ty. Mục đích của lớp tập huấn giúp cho các học viên có nhận thức chung về ISO 9001:2015; nắm bắt những thay đổi, cập nhật yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2015 so với phiên bản 2008 đang áp dụng.
- Công ty có nhiều chính sách phù hợp cho nhân viên của mình (chế độ làm việc, nghỉ phép, lễ, tết đến điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng) và cam kết tạo điều kiện cần thiết và thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy hết khả năng của mình.
- Ngoài việc tạo nhiều việc làm hơn cho mọi người thông qua quá trình tuyển dụng, Công ty còn cố gắng tham gia tài trợ nhiều hoạt động xã hội, từ thiện nhằm cống hiến một phần nhỏ từ hoạt động kinh doanh của mình cho xã hội.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2016	TH năm 2016	% TH/KH
1	Doanh thu thuần	31.76	34,08	104,09%
2	Lợi nhuận trước thuế	7,78	9,59	123,26%
3	Cổ tức dự kiến	18%	18%	100%

Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty.

Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã có sự nỗ lực vượt bậc trong công tác quản lý, đã ban hành mới 01 quy định, 02 quy chế và điều chỉnh, bổ sung 08 quy chế, quy định phù hợp với quy định mới của Pháp luật và của Công ty, cũng như bám sát kế hoạch hoạt động và đã tạo được một số hiệu quả đáng khích lệ trong năm như sau:

- Doanh thu thực hiện đạt 108,2% so với kế hoạch và tăng 12,8% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 123,3% so với kế hoạch và vượt 50% so với cùng kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH đạt 22,8%.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của HĐQT cũng như bám sát kế hoạch hoạt động đề ra. Ban Tổng giám đốc cũng phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban kiểm soát trong công tác kiểm soát hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	23.56	30,52	29,54%
2	Tài sản dài hạn	13.39	14,83	10,75%
	Tổng tài sản	36.95	45,35	122,73%

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	23,74	18,82	4,92	20,68%
Máy móc thiết bị	0,52	0,45	0,07	13,46%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1,92	1,45	0,47	25%
Thiết bị, dụng cụ QL	0,24	0,16	0,08	33,33%
Tổng cộng	26,42	20,88	5,54	20,97%

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	% Tăng/ Giảm
I	Tổng nợ	7.06	11,77	166,71%
1	Nợ ngắn hạn	7.06	11,77	166,71%
2	Nợ dài hạn	-	-	-
II	Vốn chủ sở hữu	29,89	33,58	112,35%
	Tổng nguồn vốn	36,95	45,35	122,73%

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Công tác đào tạo

- Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu không chỉ của Việt Nam mà còn quyết định sự sống còn của mỗi doanh nghiệp, trong đó, đầu tư phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất để rút ngắn khoảng cách tri thức với Thế giới.
- Công ty Cổ phần Bến Bãi Vận tải Sài Gòn đã tổ chức lớp tập huấn về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 cho gần 25 học viên là Ban Lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban, Bến xe và cán bộ chủ chốt tại Hội trường Công ty. Mục đích của lớp tập huấn giúp cho các học viên có nhận thức chung về ISO 9001:2015; nắm bắt những thay đổi, cập nhật yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2015 so với phiên bản 2008 đang áp dụng.

Công tác tài chính

- Tình hình tài chính rõ ràng, minh bạch: Chi trả lương, thưởng cho CBCNV theo đúng quy chế; Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đúng theo quy định.
- Thường xuyên gửi văn bản đến UBND Quận 12 để đôn đốc về công tác bàn giao chuyển thể doanh nghiệp.
- Tập trung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.



nnova

Công tác hành chính

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong nội bộ Công ty, tiếp tục nâng cao công tác quản trị website của Công ty ngày càng chuyên nghiệp hơn, nhanh chóng cập nhật đưa tin các sự kiện có liên quan đến hoạt động của Công ty. Qua sự trợ giúp của Công ty CP Chứng khoán FPT, Công ty luôn công bố thông tin Công ty đại chúng và hoàn thiện nội dung quan hệ cổ đông trên website Công ty để cung cấp đầy đủ, kịp thời và đúng quy định các thông tin có liên quan đến hoạt động của Công ty đến quý cổ đông.
- Triển khai thực hiện phương án trả lương theo chức danh, Quy chế trả lương – trả thưởng theo phương án lương mới. Thực hiện tốt công tác Bảo hộ lao động và mua Bảo hiểm An toàn cá nhân cho toàn thể CB.CNV Công ty.



Công tác pháp chế

Hiện tại, Công ty đã ban hành 46 quy chế, quy định, quy trình,... đáp ứng công tác quản lý điều hành tại đơn vị. Trong năm 2016, Công ty đã ban hành mới 01 quy định, 02 quy chế; Thực hiện rà soát, bổ sung kịp thời 08 quy chế, quy định,... của Công ty phù hợp với quy định mới của Pháp luật và tình hình thực tế tại đơn vị.



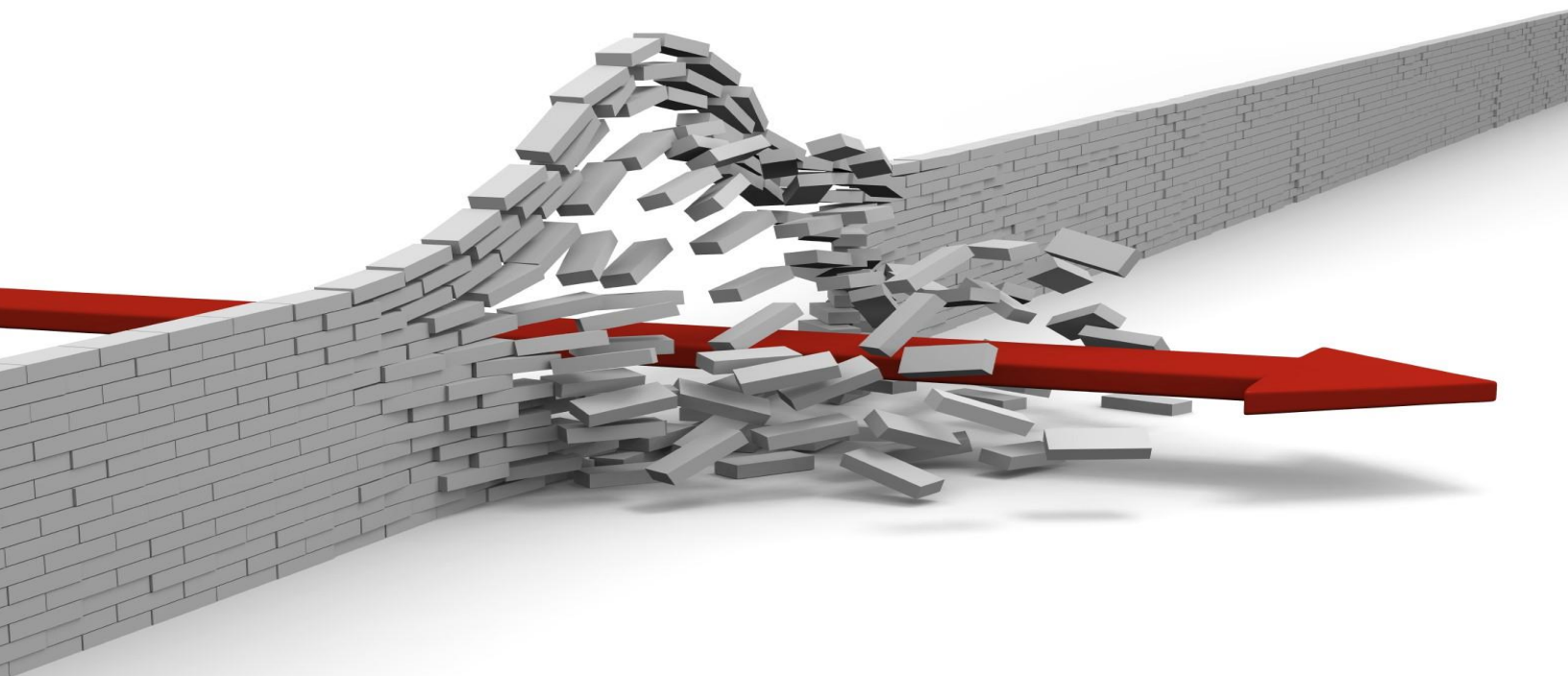
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh		
	Tổng doanh thu	Triệu đồng	37.818
	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.093
	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.834
	Nộp ngân sách	Triệu đồng	7.423
	Tổng số lao động	Người	110
	Trong đó		
	+ Viên chức quản lý	Người	3
	+ Người lao động	Người	107
	Tổng quỹ lương của người lao động	Triệu đồng	12.800
	Tổng quỹ lương của người quản lý Công ty	Triệu đồng	1.230
	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/ tháng	10,83
	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Triệu đồng	319,8
2	Dự kiến trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận/ Chia cổ tức		
	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.834
	Lợi nhuận phân phối	Triệu đồng	8.834
	Tỷ lệ trích lập các quỹ	%	

+ Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	441,72
+ Quỹ khen thưởng - phúc lợi	Triệu đồng	1.767
+ Quỹ thưởng Người quản lý Công ty 5%	Triệu đồng	441,72
Tỷ lệ chia cổ tức	%	-
+ Chia cổ tức	Triệu đồng	-
+ Lợi nhuận để lại	Triệu đồng	6.184

3 Kế hoạch đầu tư và thanh lý

Kế hoạch đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh (kèm kế hoạch đầu tư chi tiết)	Triệu đồng	5.425
Chủ trương đầu tư dự án có tổng mức đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp.	Triệu đồng	32.518
Kế hoạch thanh lý tài sản cố định (kèm kế hoạch đầu tư chi tiết)	Triệu đồng	-
Chủ trương thanh lý tài sản cố định với giá bán thanh lý thấp hơn giá trị còn lại của tài sản.	Triệu đồng	-



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với tiêu chí phát huy tốt hơn nữa những thành công trong năm trước, cũng như khắc phục những khó khăn trong năm 2016 vừa qua, Ban Tổng giám đốc Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn đã đề ra những mục tiêu cần đạt được trong năm 2017 một cách cụ thể, chi tiết.

Ngoài ra, TPS luôn đảm bảo:

- Chế độ lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên hợp lý.
- Môi trường lao động sạch sẽ và an toàn.
- Các cơ hội đào tạo và chế độ bảo hiểm y tế và giáo dục đều được áp dụng triệt để.
- Góp phần giảm tỷ lệ nhân viên nghỉ, bỏ việc, do đó giảm chi phí tuyển dụng và đào tạo nhân viên mới, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trước diễn biến trong năm 2016, giá dầu trong nước cũng theo đó mà giảm theo, tác động trực tiếp đến nền kinh tế. Tuy nhiên, ở khía cạnh tích cực, giá dầu giảm là cơ hội để hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ trong nước giảm chi phí đầu vào.



Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Tổng Công ty, Sở giao thông Vận tải và chính quyền địa phương nên việc sản xuất kinh doanh được ổn định và hiệu quả, doanh thu năm sau cao hơn năm trước.
- Các Đại hội, Hội nghị đã được tổ chức đúng thời hạn, có chất lượng và đạt yêu cầu đem lại sự thống nhất cao trong tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty.
- Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường được quan tâm thường xuyên cùng với sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác phối hợp giữ gìn an ninh trật tự đã mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho hành khách.
- Duy trì mối đoàn kết nội bộ, tạo được sự đồng thuận nhất trí cao, nhờ đó việc triển khai các chủ trương, nghị quyết đều được thuận lợi.
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vận hành ngày càng hiệu quả, cải tiến nhiều quy trình, giảm các thủ tục hành chính không cần thiết, giúp công việc được xử lý nhanh và chuyên nghiệp hơn.
- Tiết kiệm tối đa các chi phí, phát huy dân chủ, công khai minh bạch, khen thưởng công minh tạo khích lệ thúc đẩy tinh thần làm việc, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc, giúp Công ty hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2016, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo phương hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông được triển khai thực hiện. Các chỉ tiêu tài chính đều vượt cao so với kế hoạch cả năm 2016 đã đề ra.



Khó khăn

- Mặc dù Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố, và các đơn vị vận tải đã và đang thảo luận đưa ra các giải pháp “Chống xe dù, bến cóc” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thực trạng các bến xe tự phát hoặc đưa đón khách trái phép vẫn còn là một trong những vấn đề nan giải trong khâu quản lý và giải quyết triệt để.
- Vị trí hai bến xe nằm trên tuyến trục lộ chính (Quốc lộ 1A và Quốc lộ 22), gần các khu dân cư, tuy nhiên dải phân cách trên tuyến quốc lộ làm hạn chế rất lớn đến việc ra vào của các phương tiện và hành khách khi muốn ra vào bến.
- Các quy chuẩn trong điều hành và quản lý bến xe, các yêu cầu về môi trường, quản lý cháy nổ đòi hỏi nguồn chi phí đầu tư khá lớn, dẫn đến việc ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận của Công ty.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2018



2016





2017

TPS tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh, xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải. Vì vậy Hội đồng quản trị của Công ty đã đề ra phương hướng nhiệm kỳ III (2016-2020) như sau:

Doanh thu: 199.899.000.000 đồng (tăng đều mỗi năm 10%).

Lợi nhuận: 53.020.000.000 đồng

Nộp ngân sách: 35.280.000.000

Tỷ lệ chia cổ tức mỗi năm tối thiểu đạt 18%

2015



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc Linh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Tạ Chương Chín	Thành viên HĐQT
3	Ông Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT
4	Ông Trần Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã ban hành 13 Nghị quyết và 18 Quyết định gồm:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Tên Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
11	NQ-HĐQT	18/03/2016	Nghị quyết HĐQT họp ngày 17/3/2016
20	NQ-HĐQT	08/04/2016	Nghị quyết HĐQT họp ngày 8/4/2016
24B	NQ-ĐHĐCĐ	27/04/2016	Nghị quyết ĐHĐCĐ TN 2016
24C	NQ-HĐQT	27/04/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 1
34	NQ-HĐQT	21/07/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 2
35	NQ-HĐQT	29/07/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 3
37	NQ-HĐQT	29/08/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 4
39	NQ-HĐQT	14/09/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 5
41	NQ-HĐQT	25/10/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 6
43	NQ-HĐQT	18/11/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 7
45	NQ-HĐQT	25/11/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 8
47	NQ-HĐQT	19/12/2016	Nghị quyết HĐQT NK III lần 9

55	NQ-ĐHĐCĐ	29/12/2016	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016
1	QĐ-HĐQT	05/01/2016	Quyết định ban hành Bảng lương cơ bản theo chức danh
2	QĐ-HĐQT	20/01/2016	Quyết định Điều chỉnh bảng lương theo chức danh năm 2016
3	QĐ-HĐQT	20/01/2016	Quyết định Chuyển xếp lương mới - Phạm Tiến Dũng
4	QĐ-HĐQT	20/01/2016	Quyết định Chuyển xếp lương mới - Tạ Chương Chín
5	QĐ-HĐQT	20/01/2016	Quyết định Chuyển xếp lương mới - Trần Hiếu
6	QĐ-HĐQT	20/01/2016	Quyết định Chuyển xếp lương mới - Bồ Kim Thu Nga
9	QĐ-HĐQT	07/03/2016	Quyết định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2015
12	QĐ-HĐQT	28/03/2016	Quyết định Nghỉ hưu để hưởng chế độ BHXH - Ông Phạm Tiến Dũng
24D	QĐ-HĐQT	26/04/2016	Quyết định Điều chỉnh bổ sung Quy chế tổ chức bộ máy và điều hành Công ty
25	QĐ-HĐQT	27/04/2016	Quyết định Bổ nhiệm Tổng Giám đốc - Ông Tạ Chương Chín
26	QĐ-HĐQT	27/04/2016	Quyết định Xếp lương chức danh CB được bổ nhiệm - Ông Tạ Chương Chín
27	QĐ-HĐQT	27/04/2016	Quyết định Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc - Trần Hiếu
28	QĐ-HĐQT	27/04/2016	Quyết định Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng - Bà Bồ Kim Thu Nga
31	QĐ-HĐQT	08/05/2016	Quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật
56	QĐ-HĐQT	30/12/2016	Quyết định điều chỉnh bảng lương theo chức danh năm 2017
57	QĐ-HĐQT	30/12/2016	Quyết định điều chỉnh lương cơ bản cho viên chức quản lý - TGD Tạ Chương Chín
58	QĐ-HĐQT	30/12/2016	Quyết định điều chỉnh lương cơ bản cho viên chức quản lý - Phó TGD Trần Hiếu
59	QĐ-HĐQT	30/12/2016	Quyết định điều chỉnh lương cơ bản cho viên chức quản lý - KTT Bồ Kim Thu Nga

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2016, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

BAN KIỂM SOÁT**Thành viên của Ban Kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Trưởng ban
2	Ông Võ Văn Đức	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Băng Tuyết	Thành viên

Các hoạt động của ban kiểm soát

- Ngày 19/12/2016, Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm Bà Lê Thị Thanh Thuận và bổ sung ông Võ Văn Đức làm thành viên ban kiểm soát.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty.
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Hội đồng quản trị	Đồng / tháng
Ông Nguyễn Ngọc Linh	3.500.000
Ông Tạ Chương Chín	2.500.000
Ông Trần Hiếu	2.500.000
Ông Ngô Quang Trung	2.500.000
Bà Lê Thúy Hằng	2.500.000
Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	2.500.000
Ông Võ Văn Đức	2.000.000
Bà Nguyễn Thị Băng Tuyết	2.000.000





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 214/2017/BCKT-HCM.00348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÙI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0071-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2017

NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2782-2014-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.524.959.974	23.564.763.547
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.933.574.955	5.007.963.680
Tiền	111		7.933.574.955	3.007.963.680
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.200.000.000	15.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	19.200.000.000	15.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.386.385.019	3.337.069.195
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	235.840.500	210.788.931
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	267.010.196	309.999.300
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	883.534.323	816.280.964
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.000.000	19.730.672
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	5.000.000	19.730.672
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.830.733.308	13.388.291.844
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		12.801.217.111	11.163.403.638
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.543.324.606	3.698.142.781
Nguyên giá	222		26.420.079.089	23.233.314.200
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.876.754.483)	(19.535.171.419)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.257.892.505	7.465.260.857
Nguyên giá	228		9.440.419.030	9.440.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.182.526.525)	(1.975.158.173)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.878.316.197	2.224.888.206
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.878.316.197	2.224.888.206
Tài sản dài hạn khác	260		151.200.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		151.200.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.355.693.282	36.953.055.391

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		11.777.297.043	7.058.577.588
Nợ ngắn hạn	310		11.777.297.043	7.058.577.588
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	243.323.689	115.183.019
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.280.761.780	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.570.474.187	1.067.452.656
Phải trả người lao động	314		3.190.427.130	3.241.525.654
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		836.690.000	108.919.448
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		43.047.279	28.611.475
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.911.075.084	990.385.500
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	1.701.497.894	1.506.499.836
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.578.396.239	29.894.477.803
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	33.578.396.239	29.894.477.803
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.000.000.000	16.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.214.313.409	4.966.408.366
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.364.082.830	8.928.069.437
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.720.639.180	3.969.968.585
LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.643.443.650	4.958.100.852
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.355.693.282	36.953.055.391

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu

BỘ KIM THU NGA
Kế toán trưởng



TẠ CHƯƠNG CHÍN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	34.084.337.067	30.294.296.283
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		34.084.337.067	30.294.296.283
Giá vốn hàng bán	11	6.2	20.038.197.873	19.535.895.784
Lợi nhuận gộp	20		14.046.139.194	10.758.400.499
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.300.217.093	1.077.185.346
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	5.790.997.598	5.483.167.392
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9.555.358.689	6.352.418.453
Thu nhập khác	31		38.941.075	44.579.670
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		38.941.075	44.579.670
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.594.299.764	6.396.998.123
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	2.102.056.114	1.438.897.271
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(151.200.000)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.643.443.650	4.958.100.852

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 0,5 3.583 2.324



NGUYỄN THỊ NGỌC DUY **BÔ KIM THU NGA**
Người lập biểu Kế toán trưởng

TẠ CHƯƠNG CHÍN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.594.299.764	6.396.998.123
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.579.755.946	1.513.905.800
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.300.217.093)	(1.077.185.346)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	9.873.838.617	6.833.718.577
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	119.681.519	(95.015.768)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	4.411.709.070	380.985.134
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	-	129.627.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.889.980.945)	(1.403.375.391)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.120.000	6.830.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.053.647.156)	(1.271.357.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.470.721.105	4.581.412.821
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.971.060.252)	(159.185.531)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.700.000.000)	(15.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	21.700.000.000	15.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.145.950.422	1.166.816.243
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.825.109.830)	1.207.630.712
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.720.000.000)	(2.720.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.720.000.000)	(2.720.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	2.925.611.275	3.069.043.533
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.007.963.680	1.938.920.147
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	7.933.574.955	5.007.963.680

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu

BÔ KIM THU NGA
Kế toán trưởng



TẠ CHƯƠNG CHÍN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 08 tháng 10 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến;
- Tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo Hợp đồng kinh tế;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Ngã tư An Sương, Quốc lộ 22, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 110 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 114 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm chi phí sửa chữa bến bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Dụng cụ văn phòng	03 - 08 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	Công ty mẹ

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt – VND	118.381.428	63.031.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	7.815.193.527	2.944.932.612
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng - VND	-	2.000.000.000
	7.933.574.955	5.007.963.680

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND *	19.200.000.000	15.200.000.000
	19.200.000.000	15.200.000.000

* Chi tiết khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	11.700.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.500.000.000	5.000.000.000
	19.200.000.000	15.200.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng – bên thứ ba	235.840.500	210.788.931
	235.840.500	210.788.931



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Xây dựng Lê Đức	-	234.504.800
Công ty cổ phần phần mềm Bravo	100.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	166.510.196	75.494.500
	267.010.196	309.999.300

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lãi dự thu – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	10.684.667	10.684.667
Lãi dự thu – tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	745.300.005	591.033.334
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	116.346.796
Phải thu chi phí dự án bến xe Long Trường	-	87.433.886
Phải thu khác	11.202.855	10.782.281
	883.534.323	816.280.964

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	20.579.495.608	549.262.680	1.923.084.821	181.471.091	23.233.314.200
Tăng trong năm	-	-	-	58.272.727	58.272.727
Tăng từ xây dựng cơ bản	3.159.296.692	-	-	-	3.159.296.692
Giảm khác	-	(30.804.530)	-	-	(30.804.530)
Tại ngày 31/12/2016	23.738.792.300	518.458.150	1.923.084.821	239.743.818	26.420.079.089
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	17.689.996.568	427.081.141	1.280.084.817	138.008.893	19.535.171.419
Khấu hao trong năm	1.125.809.137	48.957.723	175.363.637	22.257.097	1.372.387.594
Giảm khác	-	(30.804.530)	-	-	(30.804.530)
Tại ngày 31/12/2016	18.815.805.705	445.234.334	1.455.448.454	160.265.990	20.876.754.483
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	2.889.499.040	122.181.539	643.000.004	43.462.198	3.698.142.781
Tại ngày 31/12/2016	4.922.986.595	73.223.816	467.636.367	79.477.828	5.543.324.606

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2016	13.536.198.736	246.270.792	870.903.000	109.034.091	14.762.406.619
Tại ngày 31/12/2016	13.933.587.408	268.466.262	870.903.000	109.034.091	15.181.990.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2016	9.440.419.030	9.440.419.030
Tại ngày 31/12/2016	9.440.419.030	9.440.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2016	1.975.158.173	1.975.158.173
Khấu hao trong năm	207.368.352	207.368.352
Tại ngày 31/12/2016	2.182.526.525	2.182.526.525
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2016	7.465.260.857	7.465.260.857
Tại ngày 31/12/2016	7.257.892.505	7.257.892.505

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển sang TSCĐ VND	Kết chuyển giảm khác VND	31/12/2016 VND
Dự án bến xe Long Trường	100.062.842	-	-	(100.062.842)	-
Dự án cải tạo nâng cấp BXAS	1.831.436.197	11.880.000	-	-	1.843.316.197
Công trình nhà ga hành khách BXAS	83.824.235	2.159.912.291	(2.243.736.526)	-	-
Lắp đặt nhà thép khu sửa chữa BX Ga	209.564.932	114.883.787	(324.448.719)	-	-
Nâng cấp nhà ga hành khách hiện hữu BXAS	-	35.000.000	-	-	35.000.000
Mái che nhà ga hành khách BX Ga	-	104.560.000	(104.560.000)	-	-
Văn phòng làm việc BX Ga	-	114.356.490	(114.356.490)	-	-
Bảng hiệu	-	103.220.000	(103.220.000)	-	-
Bồn hoa giải phân cách BXAS	-	90.354.186	(90.354.186)	-	-
Mương thoát nước BXAS	-	178.620.771	(178.620.771)	-	-
	2.224.888.206	2.912.787.525	(3.159.296.692)	(100.062.842)	1.878.316.197

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty cổ phần Công trình giao thông Quận 8	-	16.190.814
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH xây dựng Lê Đức	152.549.813	-
Các nhà cung cấp khác	90.773.876	98.992.205
	243.323.689	115.183.019



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	670.666.139	2.756.808.742	(2.683.609.349)	-	743.865.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	342.815.737	2.102.056.114	(1.889.980.945)	-	554.890.906
Thuế thu nhập cá nhân	-	53.970.780	165.353.306	(196.827.713)	-	22.496.373
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	19.730.672	-	2.479.246.153	(1.210.294.105)	-	1.249.221.376
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	(10.000.000)	5.000.000	-
Cộng	19.730.672	1.067.452.656	7.508.464.315	(5.990.712.112)	5.000.000	2.570.474.187

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.594.299.764	6.396.998.123
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được trừ	145.545.000	152.239.475
Chi phí trích trước	756.000.000	-
Các khoản điều chỉnh tăng khác	43.047.279	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(28.611.472)	(8.795.455)
Thu nhập tính thuế	10.510.280.571	6.540.442.143
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.102.056.114	1.438.897.271

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2016 VND	2015 VND
Chênh lệch tạm thời đối với:		
Chi phí trích trước	(756.000.000)	-
Tổng chênh lệch tạm thời tính thuế TNDN	(756.000.000)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(151.200.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	1.911.075.084	937.585.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	52.800.000
	<u>1.911.075.084</u>	<u>990.385.500</u>

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016 VND	Trích lập quỹ từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	Thu khen thưởng VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.457.864.123	991.620.171	(757.106.400)	9.120.000	1.701.497.894
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	48.635.713	247.905.043	(296.540.756)	-	-
	<u>1.506.499.836</u>	<u>1.239.525.214</u>	<u>(1.053.647.156)</u>	<u>9.120.000</u>	<u>1.701.497.894</u>

5.14 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	16.000.000.000	4.356.315.198	8.665.294.673	29.021.609.871
Lãi trong năm	-	-	4.958.100.852	4.958.100.852
Trích lập các quỹ	-	610.093.168	(2.135.326.088)	(1.525.232.920)
Chia cổ tức	-	-	(2.560.000.000)	(2.560.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	<u>16.000.000.000</u>	<u>4.966.408.366</u>	<u>8.928.069.437</u>	<u>29.894.477.803</u>
Tại ngày 01/01/2016	16.000.000.000	4.966.408.366	8.928.069.437	29.894.477.803
Lãi trong năm	-	-	7.643.443.650	7.643.443.650
Trích lập các quỹ	-	247.905.043	(1.487.430.257)	(1.239.525.214)
Chia cổ tức	-	-	(2.720.000.000)	(2.720.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	<u>16.000.000.000</u>	<u>5.214.313.409</u>	<u>12.364.082.830</u>	<u>33.578.396.239</u>

5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các nhà đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 08 tháng 10 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	16.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	1.600.000	cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND/cổ phần



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiết vốn góp bởi các nhà đầu tư (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp bởi các nhà đầu tư như sau:

Chủ đầu tư	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	816.000	51,00
Ngô Quang Trung	79.000	4,94
Nguyễn Thu Hiền	196.800	12,30
Ngô Quang Hiền	300.000	18,75
116 cổ đông khác	208.200	13,01
	1.600.000	100,00

5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

5.14.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2016 Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 24B/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (17% vốn điều lệ)	2.720.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	247.905.043
• Trích quỹ khen thưởng (5%)	247.905.042
• Trích lập quỹ phúc lợi (15%)	743.715.129
• Trích lập quỹ thưởng ban điều hành (5%)	247.905.043
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	750.670.595
	4.958.100.852

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.084.337.067	30.294.296.283
	34.084.337.067	30.294.296.283



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.038.197.873	19.535.895.784
	<u>20.038.197.873</u>	<u>19.535.895.784</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.174.069.091	951.382.010
Lãi từ cho vay ngắn hạn – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	126.148.002	125.803.336
	<u>1.300.217.093</u>	<u>1.077.185.346</u>

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	3.860.057.295	3.861.750.112
Chi phí công cụ, dụng cụ	256.099.859	199.299.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.620.734	197.109.036
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.383.860	224.237.716
Chi phí khác	1.223.835.850	995.770.646
	<u>5.790.997.598</u>	<u>5.483.167.392</u>

6.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.643.443.650	4.958.100.852
Dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.910.860.913	1.239.525.214
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.732.582.737	3.718.575.638
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.600.000	1.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>3.583</u>	<u>2.324</u>

6.6 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	487.811.140	468.917.828
Chi phí nhân công	16.027.441.117	14.628.475.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.579.755.946	1.513.905.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.855.415.782	2.346.697.611
Chi phí khác	4.878.771.486	6.061.066.735
	<u>25.829.195.471</u>	<u>25.019.063.176</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

	2016 VND	2015 VND
Lãi dự thu	755.984.672	601.718.001
	<u>755.984.672</u>	<u>601.718.001</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả người bán	243.323.689	-	243.323.689
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.747.765.084	-	2.747.765.084
	2.991.088.773	-	2.991.088.773
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán	115.183.019	-	115.183.019
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.099.304.948	-	1.099.304.948
	1.214.487.967	-	1.214.487.967

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	235.840.500	210.788.931	235.840.500	210.788.931
<i>Phải thu khác</i>	872.534.323	811.280.964	872.534.323	811.280.964
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	19.200.000.000	15.200.000.000	19.200.000.000	15.200.000.000
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	7.933.574.955	5.007.963.680	7.933.574.955	5.007.963.680
Tổng cộng	30.246.949.778	23.235.033.575	30.246.949.778	23.235.033.575
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	243.323.689	115.183.019	243.323.689	115.183.019
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	2.747.765.084	1.099.304.948	2.747.765.084	1.099.304.948
Tổng cộng	2.991.088.773	1.214.487.967	2.991.088.773	1.214.487.967

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Lương, thưởng Ban Điều hành Công ty	727.849.690	1.003.429.150
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	291.675.423	227.158.000
	1.019.525.113	1.230.587.150

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đàu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY
Người lập biểu

BỘ KIM THU NGA
Kế toán trưởng

TÀ CHƯƠNG CHÍN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc



Tạ Chương Chín



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại : 08 3716 1333

Fax : 08 3716 0891

Website : <http://www.benbaivantaisaigon.com.vn>